

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 25 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và bà Hứa Thị Nhị

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/TLST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST- HS ngày 04/7/2018 và các quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/HSST-QĐ ngày 18/7/2018, số 23/2018/HSST-QĐ ngày 14/8/2018; số 25/2018/HSST-QĐ ngày 12/9/2018, số 26/2018/HSST-QĐ ngày 10/10/2018; số 28/2018/HSST-QĐ ngày 06/11/2018, số 34/2018/HSST-QĐ ngày 27/11/2018; số 36/2018/HSST-QĐ ngày 26/12/2018, số 02/2019/HSST-QĐ ngày 15/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn An N (Tên gọi khác: Nguyễn Văn D); sinh năm: 1975, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: T 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và con bà Trần Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 04 tiền án: Về tội “cướp tài sản, trộm cắp tài sản và trốn khỏi nơi giam” cụ thể:

Ngày 26/7/1993, bị TAND TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 98/1993/HSST, ngày 27/6/1993;

Ngày 28/02/1997, bị TAND tỉnh Đắc Lắc xử phạt 11 năm tù về các tội “Trốn khỏi nơi giam”, “ Trộm cắp tài sản” và “ Cướp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/HSST ngày 28/02/1997;

Ngày 01/12/1997, bị TAND tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hình phạt chung của các bản án trước đó là 14 năm 05 tháng 12 ngày, tại bản án hình sự sơ thẩm số 276/HSST, ngày 01/12/1997;

Ngày 22/9/1999, bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Cộng với 12 năm 08 tháng 24 ngày của bản án chưa chấp hành xong. Tổng hình phạt của các bản án, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 16 năm 08 tháng 24 ngày, tại bản án hình sự sơ thẩm số 93/HSST, ngày 22/9/1999;

Ngày 14/9/2015, chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại T 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về nhân thân: Ngày 11/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “trộm cắp tài sản” tại bản án số 58/2017/HSST ngày 11/9/2017;

Ngày 28/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 294/2017/HSPT ngày 28/9/2017;

Ngày 16/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” tại bản án số 01/2018/HSST ngày 16/01/2018;

Ngày 05/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 57/2018/HSST;

Bị cáo đang chấp hành án của bản án khác tại Trại giam Đ, trích xuất xét xử; có mặt.

2. Nguyễn Thanh M; Sinh năm 1970, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT: đường M, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L và con bà Bùi Thị Ki; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: Không; tiền án: 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản, Trốn khỏi nơi giam và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cụ thể:

Năm 1990, bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (tiền hành xác minh nhưng không thu thập được bản án, căn cứ bản án sau để xác định tiền án).

Năm 1992 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 13 năm 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” và Trốn khỏi nơi giam (tiền hành xác minh nhưng không thu thập được bản án, căn cứ bản án sau để xác định tiền án);

Ngày 27/7/1994, bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xử phạt về tội Trộm cắp tài sản và trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt còn lại của các bản án trước đó, buộc phải chấp hành chung là 20 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Trốn khỏi nơi giam”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/HSST, ngày 27/7/1994.

Ngày 15/6/1998, bị TAND huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xử phạt 42 tháng tù giam về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hình phạt của các bản án trước đó đang chấp hành. Buộc phải chấp hành hình phạt chung là 19 năm 02 tháng 10 ngày, tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/HSST.

Ngày 17/5/2015, chấp hành xong hình phạt tù, về sinh sống tại địa phương;

Về nhân thân: Ngày 11/9/2017, TAND huyện Krông Pắc xử phạt phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 58/2017/HSST;

Ngày 28/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản tại bản án số 294/2017/HSPT;

Ngày 16/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 01/2018/HSST;

Ngày 05/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 57/2018/HSST;

Bị cáo đang chấp hành án của bản án khác tại Trại giam Đ, trích xuất xét xử; có mặt.

3. Nguyễn Như Đ, sinh năm 1991, tại: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: H 9, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất T (đã chết) và con bà Võ Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 21/7/2017, bị TAND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 tháng tù giam về tội “trộm cắp tài sản” tại bản án số 27/2017/HSST;

Ngày 16/10/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 05/9/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, tại bản án số 57/2018/HSST (bị cáo Đ đang kháng cáo, chưa xét xử phúc thẩm); bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2017 đến nay; có mặt.

4. Họ tên: Hồ Thị L; sinh năm: 1978, tại: tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: T 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ N và con bà Trần Thị T (đã chết); bị cáo có chồng là Lê Văn H và 05 con; tiền án, Tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 22/8/2006, bị TAND huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án tại trại giam Đại Bình, thuộc Cục V26-Bộ Công an. Đến ngày 01/5/2008 chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại địa phương (*theo kết quả xác minh bị cáo đã chấp hành xong bản án nên đương nhiên xóa án tích*); bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Hoàng Thị Ngọc H; sinh năm: 1976 tại: tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký HKTT: K 4, thị trấn P, huyện S, tỉnh Bình Định; tạm trú tại: T 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H (đã chết) và con bà Hồ Thị T; bị cáo có chồng là Phan Văn P và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phạm H; sinh năm 1981; có mặt.ô

2. Chị Võ Thị Linh C; sinh năm 1992; có đơn xét xử vắng mặt.

Cùng cư trú: T10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

3. Anh Trần Anh T; có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: T 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Vũ Thị P; vắng mặt.

Nơi cư trú: số N, Buôn H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Anh Bùi Văn D và chị Lê Thị B; vắng mặt.

Cùng cư trú: Đ 3, Buôn E, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 10 năm 2016, Nguyễn An N gặp Nguyễn Như Đ rủ đi trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Ngày 01/11/2016, N gặp Hoàng Thị Ngọc H là bạn của N, rủ H đi trộm cắp tài sản, đồng thời nói H tìm người mua thuốc sâu (*thuốc bảo vệ thực vật*). H đồng ý sau đó gặp bạn của H là Hồ Thị L nhờ tìm người mua thuốc trừ sâu. Do thường xuyên đi mua phế liệu, biết Vũ Thị P làm nghề kinh doanh mua bán thuốc bảo vệ thực vật (*đại lý P*), tại thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và P cũng biết L nên trưa ngày 01/11/2016, L đến gặp P hỏi “chị P có mua thuốc bảo vệ thực vật không”, P trả lời “có, nếu có thì mang qua đây”. L không nói gì mà chạy xe về rồi báo cho H biết có người mua thuốc bảo vệ thực vật. Chiều ngày 01/11/2016, N gọi điện thoại cho L rủ cùng tham gia trộm cắp tài sản (*thuốc bảo vệ thực vật*), L đồng ý. Khoảng 18 giờ 00’ cùng ngày, N đến nhà anh Bùi Văn D tại Đ 3, Buôn E, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, thuê 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ, hiệu INNOVA, màu sơn trắng, biển kiểm soát AA - 00000. Quá trình thuê xe thì N nói thuê xe đi công việc gia đình, không nói đi trộm cắp tài sản. Thuê xe xong, N chạy xe đến chợ Đ, sau đó đến chợ T, xã E đón H và L. Tiếp đó, N chạy xe lên khu vực Km 0, thành phố B đón Nguyễn Thanh M (*là bạn của N đã liên lạc, hẹn cùng tham gia trộm cắp tài sản trước đó*). Sau đó, Đ ra chợ mua 01 kiềng cộng lực rồi chờ N. Sau khi đón M, Đ, N tiếp tục điều khiển xe về hướng tỉnh Đắk Nông, đến địa phận huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đón thêm Võ Văn C cùng để tham gia trộm cắp tài sản (*C là bạn của N, N đã nói C đi trộm cắp tài sản trước đó*). N điều khiển xe đi dọc theo quốc lộ 14 tìm tiệm bán thuốc bảo vệ thực vật để trộm cắp. Khoảng 23 giờ 00’ cùng ngày, tất cả đến khu vực cầu 20, thuộc T 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thì phát hiện đại lý bán thuốc bảo vệ thực vật của gia đình anh Phạm H và chị Võ Thị Linh C sát bên đường, khóa cửa, nên thống nhất đột nhập để trộm cắp tài sản. N lùi xe vào trước cửa quán cho đầu xe hướng ra ngoài, đuôi xe vào trong đại lý, M xuống xe, lấy kiềng cộng lực rồi cùng Đ, C cắt ổ khóa cửa sắt. Sau khi cắt xong, L, H, Đ, C, M vào trong, N ở ngoài xe canh giới. Khi vào trong các đối tượng bật đèn pin điện thoại, lấy thuốc bảo vệ thực vật ở trên các kệ và các thùng cát tông chứa thuốc bảo vệ thực vật dưới nền nhà. Tất cả, lấy được khoảng 05 đến 06 thùng cát tông có chứa thuốc bảo vệ thực vật và gom khoảng 02 đến 03 bao tải thuốc bảo vệ thực vật để trên kệ rồi cùng N xếp vào phía sau xe. Sau khi xếp đầy băng ghế sau của xe, tất cả điều khiển xe đi về hướng thành phố B. Khoảng 04 giờ 00’, ngày 02/11/2016, N chạy xe về đến ngã ba E thì L gọi điện thoại

cho Vũ Thị P nói việc có người bán thuốc bảo vệ thực vật đang mang thuốc tới. Cũng tại ngã ba E, Đ, H, M, C xuống xe, chỉ N và L chở số thuốc bảo vệ thực vật trộm cắp được đến bán cho P. N và L chạy xe chở thuốc bảo vệ thực vật tới nhà P, lùi xe vào trong nhà, mang số thuốc chiếm đoạt được xuống xe, P tới phân loại thuốc. Sau khi phân loại, P nói có một số thuốc quá hạn sử dụng không mua, số còn lại P mua rồi đưa cho N số tiền 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*). N để số thuốc bảo vệ thực vật quá hạn tại nhà P rồi cùng L chạy xe ra đón các đối tượng còn lại về xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó N lấy số tiền bán thuốc bảo vệ thực vật ra chia cho mỗi người 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) số còn lại N giữ lại để chi phí ăn uống, thuê xe. Toàn bộ số thuốc mua được, P đã bán ra ngoài thị trường, không rõ đã bán cho những ai, nên không thu giữ được. Riêng số thuốc quá hạn, P không biết đã thất lạc đi đâu. Đối với số tiền đã chia cho H và L, hai ngày sau N nói đang cần tiền gấp nên yêu cầu L và H đưa lại số tiền đã chia. H và L đưa lại cho N mỗi người 4.000.000 đồng, số còn lại H và L giữ lại tiêu xài

Đến khoảng 18 giờ 00' ngày 10/11/2016, Nguyễn An N, điều khiển xe ô tô INNOVA, Biển kiểm soát AA – 00000 cùng với Nguyễn Thanh M và Nguyễn Như Đ đến địa bàn huyện Đ để tiếp tục trộm cắp tài sản. Trên đường đi, tất cả phát hiện anh Trần Anh T, trú tại T10, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đang khóa cửa nhà đi ra ngoài. N, M và Đ nghĩ trong nhà anh T có tài sản có giá trị nên đã theo dõi, đi theo anh T đến địa phận huyện Đ. Thấy anh T vào quán ăn tối thì N nói M ở lại canh chừng anh T còn N và Đ đi xe ô tô quay lại nhà anh T. Tại đây, Đ lấy chìa khóa mở cửa rồi cả hai vào nhà lục tìm tài sản. Sau khi tìm kiếm một lúc không thấy tài sản có giá trị, N ra ngoài canh giới còn Đ tiếp tục lục tìm tài sản tại phòng ngủ. Tại đây, Đ phát hiện tại tủ quần áo có 01 đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice và 01 nhẫn màu vàng có gắn lông đuôi động vật (*nhẫn lông đuôi voi*). Đ lấy các tài sản này rồi đi ra cùng N chạy xe đi về. Trên đường về, Đ lấy nhẫn ra xem thì thấy nhẫn bị móp bẹp, bong lớp màu vàng bên ngoài lộ phần kim loại màu bạc, nghĩ là nhẫn vàng giả nên đã vứt bỏ chiếc nhẫn bên đường (không rõ vị trí), còn chiếc đồng hồ, Đ lấy để sử dụng, sau này bị cơ quan Công an thu giữ. Hành vi phạm tội của các đối tượng nói trên sau đó đã bị cơ quan chức năng phát hiện, khởi tố.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/04/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định:

Giá trị thiệt hại thành tiền của số thuốc bảo vệ thực vật mà các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại bao gồm: 400 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu Ridomil, 300 chai thuốc bảo vệ thực vật hiệu Tevigo; 100 chai thuốc bảo vệ thực vật hiệu Reveropti, 600 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu Xantoxin, 100 chai thuốc bảo vệ thực vật hiệu Selectron, 40 chai thuốc bảo vệ thực vật hiệu Tungcydan, 50 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu Aliex, 20 chai thuốc bảo vệ thực vật hiệu Amictatop, 20 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu Cốc 86, 10 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu Vimonyl, 100 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu Riazogol, 100 gói thuốc bảo vệ thực vật hiệu DS-80, 20 chai thuốc bảo vệ thực vật hiệu Tilsuper, 10 chai phân bón lá hiệu Ba lá xanh, 10 chai phân giúp lớn trái cà phê là **101.975.000 đồng** (*một trăm linh một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá ngày 26/06/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định: Giá trị thành tiền của 01(một) đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice và một nhẫn màu vàng bằng kim loại, bên trong màu bạc là **900.000 đồng** (*chín trăm nghìn đồng*). Riêng chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, do không thu giữ được nên không có căn cứ để xác định giá trị thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 22/CTr-VKS ngày 03/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c, g khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*); đối với các bị cáo Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c, g khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*); đối với các bị cáo Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*); đề nghị HĐXX áp dụng:

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c, g khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự (BLHS):

Xử phạt: Nguyễn An N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt: Nguyễn Thanh M từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38BLHS:

Xử phạt Nguyễn Như Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 08/11/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*điểm c khoản 2 điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*); các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS:

Xử phạt Hồ Thị L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Hoàng Thị Ngọc H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong vụ án này còn có đối tượng Võ Văn C cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản cùng các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, C bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 16/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam, đồng thời ra quyết định truy nã đối với Võ Văn C. Do chưa bắt được bị can nên ngày 25/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Võ Văn C. Khi nào bắt được bị can sẽ phục hồi điều tra, xử lý sau.

Đối với Vũ Thị P là người mua tài sản là thuốc Bảo vệ thực vật do các bị cáo chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định, P kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Thôn H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thường xuyên mua thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, không có hóa đơn chứng từ nên sau khi P được Hồ Thị L liên hệ bán thuốc bảo vệ thực vật thì P đồng ý mua, khi L hỏi P thì giữa L và P không trao đổi gì về việc tài sản trộm cắp. Tại thời điểm N và L bán thuốc bảo vệ thực vật không nói cho P biết là tài sản trộm cắp mà có. Tại cơ quan điều tra, P khai không nhận thức được tài sản trên là do các đối tượng trộm cắp mà có. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý hành vi của Vũ Thị P về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan Công an đã làm công văn chuyển về Thành phố B để cơ quan có thẩm quyền xem xét hành vi của P theo quy định.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản là 01(một) đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice và một nhẫn màu vàng bằng kim loại, bên trong màu bạc của Nguyễn Như Đ. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị thiệt hại là 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng), chưa đủ định lượng để xử lý về tội trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Như Đ là phù hợp.

Việc bồi thường thiệt hại: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 BLDS năm 2015:

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H bồi thường số tiền là 101.975.000đ theo như kết quả định giá trong tố tụng. Các bị cáo Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H đã tự nguyện cho anh Phạm H và chị Võ Thị Linh C mỗi bị cáo 4.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Như Đ nộp khắc phục hậu quả 500.000đ theo biên lai số 002845 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho anh T và chị C theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Anh T không yêu cầu các bị cáo M, N và Đ bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Chị Vũ Thị P không yêu cầu các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H trả lại số tiền 32.000.000đ mà các bị cáo bán thuốc sâu cho chị P nên không đề cập giải quyết.

Việc xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; căn cứ Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Anh T 01(một) đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

Đối với số thuốc bảo vệ thực vật các bị cáo chiếm đoạt của gia đình anh Phạm H, chị Võ Thị Linh C. Hiện Vũ Thị P đã bán ra ngoài thị trường, không rõ đã bán cho ai, nên Cơ quan CSĐT đã không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với vật chứng là kim cộng lực, điện thoại di động dùng để bật đèn soi lấy tài sản, ổ khóa mà các bị cáo đã phá và 01 nhẫn bằng nhẫn màu vàng bằng kim loại, bên trong màu bạc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 chiếc xe ô tô hiệu INNOVA, Biển kiểm soát AA – 00000, N thuê của anh Bùi Văn D sau đó đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk tạm giữ trong một vụ tai nạn giao thông sau đó, mặt khác chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh D, việc N thuê sử dụng vào việc trộm cắp tài sản anh D không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 32.000.000đ các bị cáo được lợi từ việc mua bán tài sản trộm cắp nên cần truy thu của Nguyễn An N số tiền 15.000.000 đồng (*gồm 7.000.000 đồng có được từ việc bán thuốc bảo vệ thực vật và 8.000.000 đồng lấy lại từ các bị cáo L và H*); truy thu các bị cáo Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ mỗi bị cáo 5.000.000 đồng; truy thu các bị cáo Hồ Thị L, Hoàng Thị Ngọc H mỗi bị cáo 1.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo L và bị cáo H, do hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ, cha mẹ già yếu và có sự ăn năn hối hận từ giai đoạn điều tra nên mong HĐXX cho 02 bị cáo nữ hưởng án treo để họ trở về gia đình thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 292 BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Khoảng 23 giờ 00' ngày 01/11/2016, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của gia đình anh Phạm H và chị Võ Thị Linh C tại T 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hoàng Thị Ngọc H, Hồ Thị L đã bí mật, lén lút chiếm đoạt tài sản là thuốc bảo vệ thực vật của anh H, chị C sau đó mang đến TP. B, tỉnh Đắk Lắk tiêu thụ, với giá trị thiệt hại tính thành tiền là **101.975.000** đồng.

Khoảng 18 giờ, ngày 10/11/2016, Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M và Nguyễn Như Đ điều khiển xe ô tô INNOVA, biển kiểm soát AA – 00000 đến địa bàn huyện Đ phát hiện nhà anh Trần Anh T, tại T 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đang khóa cửa đi ra ngoài. Sau khi theo dõi phát hiện gia đình anh T đi Đắk Mil, các bị cáo quay lại nhà anh T thực hiện hành vi trộm cắp, cụ thể: Đ lấy chìa khóa mở cửa rồi cả hai vào nhà lục tìm tài sản. Sau khi tìm kiếm không thấy tài sản có giá trị, N ra ngoài cảnh giới còn Đ tiếp tục tìm tài sản tại phòng ngủ. Tại đây, Đ phát hiện tại tủ quần áo có 01 đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice và 01 nhẫn màu vàng có gắn lông đuôi động vật (*nhẫn lông đuôi voi*) giá trị thiệt hại tính thành tiền là **900.000 đồng**.

Đối với hành vi phạm tội vào ngày 01/11/2016 của các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hoàng Thị Ngọc H, Hồ Thị L và hành vi ngày 10/11/2016 của Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M xảy ra trước khi Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực nhưng đối chiếu khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 không có gì khác nhau hoặc luật mới không có gì có lợi hơn cho các bị cáo nên áp dụng khoản 2 Điều 138 BLHS năm 2009 để truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật vì hành vi phạm tội xảy ra trước khi luật năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; đối với các bị cáo Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

a);

c) Tái phạm nguy hiểm.

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

3. ...

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a). ...
- b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*
- c). ...;
- 2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*
 - a). ...;
 - ...
 - c). *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*
 - ...;
 - g) *Tái phạm nguy hiểm.*
- 3. ...

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đủ nhận thức để nhận biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác. Các bị cáo phạm tội đồng phạm mang tính chất giản đơn vì giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, để áp dụng hình phạt cho phù hợp thì cần phân hóa vị trí, vai trò của từng bị cáo;

[4] Bị cáo Nguyễn An N và Nguyễn Thanh M đã có 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản, tội trốn khỏi nơi giam, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội cướp tài sản”, có nhân thân xấu, đã bị nhiều Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích, do đó đối với hành vi trộm cắp tài sản của anh T là 900.000đ, dưới mức định lượng là 2000.000đ nhưng vẫn đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017), bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện nhiều lần phạm tội; bị cáo M là người tham gia tích cực cùng N và các bị cáo khác, tổng giá trị tài sản thiệt hại của các hành vi phạm tội là 102.875.000đ nên các bị cáo N và M phải chịu các tình tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm và tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 50.000.00đ đến 200.000.000đ được quy định tại các điểm c, e của điều luật; tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy, đối với bị cáo N áp dụng hình phạt cao hơn bị cáo M. Bị cáo M thì cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Như Đ đã bị các Tòa án khác xét xử về hành vi phạm phạm tội trước đó, nhưng do các hành vi này phạm tội L tục nên không thuộc trường hợp tái phạm, nhưng lại có nhân thân xấu. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của anh T chưa đủ số tiền để có căn cứ truy tố nên bị xử phạt hành chính. Xét tính chất, mức độ phạm tội thì hành vi giúp sức của bị cáo thấp hơn bị cáo N và M nhưng cao hơn bị cáo L và H.

Đối với các bị cáo L và H đáng lẽ khi được rủ đi trộm cắp các bị cáo khuyên ngăn, không tham gia nhưng lại cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp. L cùng đi bán với N

tài sản trộm cắp được, lý do L cùng N đi bán là do N nói L quen chị P, việc trao đổi mua bán giữa N và chị P thỏa thuận với nhau về giá cả và N là người nhận tiền. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xác định được bị cáo L và bị cáo H thực hiện hành vi cùng các bị cáo trong vụ án là giúp sức thứ yếu, hưởng lợi từ việc bán tài sản trộm cắp là 1.000.000đ/ 01 bị cáo. Bị cáo L năm 2006 đã bị xét xử, tính đến ngày phạm tội thì đương nhiên được xóa án tích, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo L và H được xác nhận là tốt, bản thân cũng như gia đình chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tại địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo L có hồ sơ bệnh án theo chỉ định của bác sỹ cần được tái khám theo định kỳ và uống thuốc theo toa (theo tóm tắt bệnh án chẩn đoán: Mất vững cột sống thắt lưng, thoát vị đĩa đệm). Vì vậy, đối với hai bị cáo cần xét xử mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, M, Đ, L và H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo H và L đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền mỗi người 4.000.000đ; bị cáo Đ đã tự nguyện nộp một phần bồi thường với số tiền 500.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện Đ theo biên lai số 002845 ngày 11/4/2018 cho bị hại và trước khi phạm tội bị cáo Đ đi nghĩa vụ quân sự phục vụ cho đất nước và được tặng giấy khen, nhận xét là tốt, bị cáo đã ra đầu thú vào ngày 16/3/2017 tại Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo H và L quá trình điều tra bị hại có đơn xin bãi nại, trình độ văn hóa thấp (bị cáo L thì không biết chữ, bị cáo H thì 01/12) nên phần nào hạn chế về nhận thức pháp luật và tại phiên tòa bị hại yêu cầu HĐXX cho các bị cáo L và H hưởng án treo để có điều kiện nuôi dạy con cái và chăm sóc cha mẹ già yếu. Vì vậy, bị cáo H, L và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; Các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các quy định trên để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo tương ứng với các tình tiết các bị cáo được hưởng nhằm thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước ta.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với N, M và Đ thì mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Các bị cáo L, H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo L năm 2006 xử phạt tù nhưng đến nay đã gần 10 năm, đương nhiên xóa án tích tính đến ngày phạm tội, xét tính chất, mức độ của tội phạm và các điều kiện khác được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, hướng dẫn về án treo thì các bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng Điều 65 của BLHS cho bị cáo L và H hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe và giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Các bị cáo Nguyễn An N và Nguyễn Thanh M hiện nay đang chấp hành 03 bản án có hiệu lực pháp luật và được Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tổng hợp hình phạt tại Quyết định số 109/2018/QĐ-CA ngày 17/12/2018 và số 110/2018/QĐ-CA ngày 17/12/2018 với hình phạt được tổng hợp là trên 15 năm tù nên căn

cứ khoản 3 Điều 56 BLHS thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định. Đối với Nguyễn Như Đ hiện nay bản án Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị cáo đang kháng cáo và chưa được xét xử phúc thẩm nên bản án chưa có hiệu lực nên không có căn cứ tổng hợp. Do đó, HĐXX không tổng hợp hình phạt của các bị cáo trong bản án này.

[8] Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông truy tố các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; đối với các bị cáo Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc đề nghị mức hình phạt và các vấn đề khác phù hợp nên chấp nhận. Riêng vấn đề, đề nghị truy thu số tiền 32.000.000đ bán thuốc sâu mà có, các bị cáo đã tiêu xài hết. Các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại nên HĐXX không truy thu số tiền này là phù hợp nên không chấp nhận đề nghị này.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập gì nên không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Trong vụ án này còn có đối tượng Võ Văn C cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản cùng các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, C bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 16/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam, đồng thời ra quyết định truy nã đối với Võ Văn C. Do chưa bắt được bị can nên ngày 25/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã ra quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Võ Văn C. Khi nào bắt được bị can sẽ phục hồi điều tra, xử lý theo quy định.

[11] Đối với Vũ Thị P là người mua tài sản là thuốc Bảo vệ thực vật do các bị cáo chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định, P kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại thôn H, phường E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, thường xuyên mua thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, không có hóa đơn chứng từ nên sau khi P được Hồ Thị L liên hệ bán thuốc bảo vệ thực vật thì P đồng ý mua, khi bán L và N không nói cho P biết là tài sản trộm cắp mà có. Tại cơ quan điều tra, P khai không nhận thức được tài sản trên là do các đối tượng trộm cắp mà có. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý hành vi của Vũ Thị P về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan Công an đã làm công văn chuyển về thành phố B để cơ quan có thẩm quyền xem xét hành vi của P theo quy định.

[12] Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản là 01(một) đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice và một nhẫn màu vàng bằng kim loại, bên trong màu bạc của Nguyễn Như Đ. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị thiệt hại là 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng), chưa đủ định lượng để xử lý về tội trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Như Đ là phù hợp nên chấp nhận.

[13] Về việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa anh Phạm H cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của chị Võ Thị Linh C thể hiện yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 101.975.000đ (một trăm linh một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). HĐXX xét thấy việc yêu cầu này phù hợp với kết quả định giá tài sản trong vụ án nên chấp nhận.

Quá trình điều tra bị cáo H và L đã tự nguyện bồi thường cho anh H và chị C mỗi bị cáo 4.000.000đ nên chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Như Đ đã tự nguyện bồi thường cho anh H và chị C số tiền 500.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Đ theo biên lai số 002845 ngày 11/4/2018.

Buộc các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hoàng Thị Ngọc H và Hồ Thị L phải bồi thường cho anh Phạm H và chị Võ Thị Linh C số tiền 101.975.000đ; chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường là 20.395.000đ (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo H và L được khấu trừ số tiền đã bồi thường trước là 4.000.000đ, số tiền còn lại mà H và L phải bồi thường mỗi bị cáo là 16.395.000đ (mười sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo Đ được khấu trừ số tiền đã nộp tại Thi hành án là 500.000đ, bị cáo Đ phải bồi thường số tiền còn lại là 19.895.000đ (mười chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Anh Trần Anh T không yêu cầu các bị cáo M, N và Đ bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Chị Vũ Thị P không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 32.000.000đ mà các bị cáo bán thuốc sâu cho chị P nên không đề cập giải quyết.

[14] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chấp nhận Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Anh T 01 (một) đồng hồ màu vàng hiệu EdiFice mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

Đối với số thuốc bảo vệ thực vật các bị cáo chiếm đoạt của gia đình anh Phạm H, chị Võ Thị Linh C, chị Vũ Thị P đã bán ra ngoài thị trường, không rõ đã bán cho ai, không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với vật chứng là kim cộng lực, điện thoại di động dùng để bật đèn soi lấy tài sản, ổ khóa mà các bị cáo đã phá và 01 nhẫn kim loại màu vàng, các bị cáo đã vứt bỏ, không rõ địa điểm ở đâu nên Cơ quan CSĐT đã không thu giữ được nên không xử lý.

Đối với 01 chiếc xe ô tô hiệu INNOVA, biển kiểm soát AA – 00000, N thuê của anh Bùi Văn D sau đó đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk tạm giữ trong một vụ tai nạn giao thông sau đó, mặt khác chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh D, việc N thuê sử dụng vào việc trộm cắp tài sản anh D không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 32.000.000đ các bị cáo được lợi từ việc mua bán tài sản trộm cắp đã tiêu xài hết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này. Tuy nhiên, bị hại yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 101.975.000đ. Vì vậy, truy thu là bất lợi cho các bị cáo. Vì vậy, HĐXX không truy thu số tiền này là phù hợp.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS:

Xử phạt Nguyễn An N 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Thanh M 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Như Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 08/11/2017.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS:

Xử phạt Hồ Thị L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2019).

Xử phạt Hoàng Thị Ngọc H 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2019).

Giao bị cáo Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, phối hợp với gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo L, H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo L, H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về tổng hợp hình phạt: Căn cứ khoản 3 Điều 56 BLHS thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định đối với các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M.

3. Việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Như Đ, Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H phải liên đới bồi thường cho anh Phạm H và chị Võ Thị Linh C số tiền 101.975.000đ (một trăm linh một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); chia theo phần, các bị cáo Nguyễn An N, Nguyễn Thanh M mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 20.395.000đ (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Như Đ phải bồi thường số tiền là 20.395.000đ (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 002845 ngày 11/4/2018, bị cáo Đ còn phải bồi thường số tiền còn lại là 19.895.000đ (mười chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng); các bị cáo Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 16.395.000đ (mười sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Anh Trần Anh T không yêu cầu các bị cáo M, N và Đ bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Chị Vũ Thị P không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 32.000.000đ nên không đề cập giải quyết.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Anh T 01 (một) đồng hồ màu vàng hiệu Edifice.

Đối với 01 chiếc xe ô tô hiệu INNOVA, biển kiểm soát AA – 00000 không liên quan vụ án (vì N thuê của anh D nên không xem xét xử lý).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn An N phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.019.750đ (làm tròn 1.020.000) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh M phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.019.750đ (làm tròn 1.020.000) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Như Đ phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 994.750đ (làm tròn 995.000đ (chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Hồ Thị L và Hoàng Thị Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải nộp 819.750đ (làm tròn 820.000 đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng PV27CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CA huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã E;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà